

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/DS-PT

Ngày 11-01-2018

V/v tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu.

Ông Trương Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dụ, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2017/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 117/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Nguyễn Lương N; cư trú tại: Đường Đ, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Ông Nguyễn Văn M; cư trú tại: Phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

3. Ông Huỳnh Văn S

4. Bà Trương Thị H

Cùng cư trú tại: Đường L, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Lương N, ông Nguyễn Văn M, ông Huỳnh Văn S và bà Trương Thị H là ông Huỳnh Hoài N; địa chỉ: Đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng (Văn bản ủy quyền, ngày 10 tháng 01 năm 2018).

- Bị đơn:

1. Bà Tô Thị Kiều H

2. Ông Trần Quốc H

3. Ông Trần Thanh V

Cùng cư trú tại: Đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Tô Thị Kiều H là Luật sư Nguyễn Lê V, Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn N; địa chỉ trụ sở tại: đường T, quận T, thành phố Đà Nẵng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng P; địa chỉ trụ sở tại: đường Đ, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Ngân hàng thương mại cổ phần P; địa chỉ trụ sở tại: đường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Công ty trách nhiệm hữu hạn G; địa chỉ trụ sở tại: đường N, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty trách nhiệm hữu hạn G là bà Tô Thị Kiều H – chức vụ: Giám đốc.

- *Người kháng cáo:* Bà Tô Thị Kiều H, là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Lương N, trình bày:

- Ngày 10/6/2015, ông cho ông Trần Thanh H vay số tiền 100.000.000 đồng, để phục vụ nhu cầu kinh doanh của gia đình và hẹn sẽ hoàn trả tiền vay trong hạn 60 ngày; khi vay ông H có viết Giấy mượn tiền, đề ngày 10/6/2015.

- Đến ngày 22/6/2015 thì ông Trần Thanh H chết đột ngột. Nay ông yêu cầu người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H, gồm vợ là bà Tô Thị Kiều H và hai con là ông Trần Quốc H và ông Trần Thanh V thanh toán cho ông số tiền 100.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M, trình bày:

- Ngày 11/4/2015, ông cho ông Trần Thanh H vay số tiền 100.000.000 đồng, để phục vụ nhu cầu kinh doanh của gia đình và hẹn sẽ hoàn trả tiền vay trong hạn 60 ngày; khi vay ông H có viết Giấy mượn tiền, đề ngày 11/4/2015. Sau đó, ông H đến xin vay tiếp và ông đã cho ông H vay số tiền 50.000.000 đồng và hẹn sẽ hoàn trả tiền vay trong hạn 60 ngày; ông H có viết thêm Giấy mượn tiền, đề ngày 11/4/2015.

- Đến ngày 22/6/2015 thì ông Trần Thanh H chết đột ngột. Nay ông yêu cầu người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H, gồm vợ là bà Tô Thị Kiều H và hai con là ông Trần Quốc H và ông Trần Thanh V thanh toán cho ông số tiền 150.000.000 đồng.

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn S và bà Trương Thị H, thống nhất trình bày:

- Vào các ngày 04/4/2015, 18/4/2015, 13/5/2015, 15/5/2015 và 22/5/2015, vợ chồng ông, bà đã cho ông Trần Thanh H vay lần lượt số tiền là 60.000.000 đồng,

40.000.000 đồng, 50.000.000 đồng, 20.000.000 đồng và 30.000.000 đồng. Khi vay ông H có nói là để phục vụ nhu cầu kinh doanh của gia đình và hẹn sẽ hoàn trả tiền vay trong hạn 30 ngày; mỗi lần vay ông H có viết, ký xác nhận vào Giấy mượn tiền.

- Đến ngày 22/6/2015 thì ông Trần Thanh H chết đột ngột. Nay ông yêu cầu người thừa kế quyền và nghĩa vụ của ông H, gồm vợ là bà Tô Thị Kiều H và hai con là ông Trần Quốc H và ông Trần Thanh V thanh toán cho ông số tiền 200.000.000 đồng.

Bị đơn bà Tô Thị Kiều H, trình bày:

- Bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn vì tài sản nhà và đất tại địa chỉ đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng là tài sản riêng của bà; còn ông Trần Thanh H không để lại di sản thừa kế. Các khoản nợ ông H đã vay của nguyên đơn thì ông H sử dụng tiêu xài cá nhân chứ không nhằm mục đích trả nợ xây nhà.

- Đối với nhà ở tại địa chỉ đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, là do bà giao khoán cho Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng P xây dựng với giá 1.170.644.000 đồng; hiện tại bà còn nợ Công ty số tiền 150.802.000 đồng.

- Về tài sản là nhà ở và đất tại địa chỉ đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng có là do bà để dành được 600.000.000 đồng, mua đất hết 311.000.000 đồng; còn xây nhà do hai con là Trần Quốc H và Trần Thanh V đóng góp thêm vào 230.000.000 đồng; vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ 500.000.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Quốc H, trình bày thống nhất với bà Tô Thị Kiều H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng P, trình bày tại văn bản ngày 20/01/2017: Ngày 24/6/2014, Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng P và bà Tô Thị Kiều H ký Hợp đồng giao khoán về xây dựng nhà ở tại địa chỉ đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Nhà ở đã được bàn giao cho bà H đưa vào sử dụng từ tháng 12/2014, nhưng đến nay bà H vẫn còn nợ

chưa thanh toán cho Công ty số tiền còn lại là 150.802.000 đồng. Công ty yêu cầu bà H phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ nói trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần P, trình bày tại văn bản ngày 26/4/2017: Ngày 03/3/2017, Ngân hàng thương mại cổ phần P cho ông Trần Quốc H vay số tiền 250.000.000 đồng; tài sản thế chấp là nhà và đất tại địa chỉ đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. Tính đến ngày 26/4/2017, ông H vẫn còn nợ Ngân hàng số tiền 247.338.727 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty trách nhiệm hữu hạn G, trình bày: Về xe ô tô biển kiểm soát 43A-097.65, có Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 018770 do Phòng cảnh sát giao thông Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 03/01/2014, đứng tên chủ sở hữu là Công ty trách nhiệm hữu hạn G. Xe ô tô này Công ty đã thế chấp vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Q. Sau này, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng đã thu hồi và bán tài sản thế chấp là xe ô tô nói trên. Còn Công ty trách nhiệm hữu hạn G hiện đã tạm dừng hoạt động.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã triệu tập hợp lệ đối với ông Trần Thanh V nhưng ông không đến Tòa tham gia tố tụng cũng như không cung cấp văn bản thể hiện ý kiến về vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã trưng cầu thẩm định giá tài sản là nhà ở tại địa chỉ đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; qua đó đã xác định được giá trị tài sản cụ thể như sau: Tại Chứng thư thẩm định giá số: 161073/VIETTIN JSC-HCM ngày 08/4/2016 của Công ty cổ phần thẩm định giá V, xác định giá thị trường của nhà ở tại địa chỉ số đường N, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng, là 1.074.000.000 đồng.

Với nội dung nói trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, đã xử và quyết định:

Áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 290, 474, 636, 637 của Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu tranh chấp về hợp đồng vay tài sản của ông Nguyễn Lương N, ông Nguyễn Văn M và vợ chồng ông Huỳnh Văn S, bà Trương Thị H đối với bà Tô Thị Kiều H, ông Trần Thanh V và ông Trần Quốc H.

Xử:

1. Buộc bà Tô Thị Kiều H, ông Trần Thanh V và ông Trần Quốc H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Lương N số tiền 100.000.000 đồng; thanh toán cho ông Nguyễn Văn M số tiền 150.000.000 đồng và thanh toán cho ông Huỳnh Văn S, bà Trương Thị H số tiền 200.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí; về chi phí định giá; nghĩa vụ trong trường hợp chậm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự biết theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/10/2017, bà Tô Thị Kiều H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và xây dựng P vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai; Ngân hàng thương mại cổ

phần P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với họ, theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể như sau:

Về nghĩa vụ thanh toán nợ vay:

- Ngày 11 tháng 01 năm 2018, bà Tô Thị Kiều H phải thanh toán cho ông Nguyễn Lương N số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 11 tháng 01 năm 2018, bà Tô Thị Kiều H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn M số tiền 75.000.000 đồng.

- Ngày 11 tháng 01 năm 2018, bà Tô Thị Kiều H phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn S và bà Trương Thị H số tiền 100.000.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Lương N tự nguyện chịu 2.500.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn M tự nguyện chịu 3.750.000 đồng.

- Ông Huỳnh Văn S và bà Trương Thị H tự nguyện chịu 5.000.000 đồng.

Về chi phí thẩm định giá:

- Ông Nguyễn Lương N tự nguyện chịu 2.000.000 đồng.

- Ông Nguyễn Văn M tự nguyện chịu 2.910.000 đồng.

- Ông Huỳnh Văn S, bà Trương Thị H tự nguyện chịu 4.000.000 đồng.

Xét thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[3] Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm, nên người kháng cáo là bà Tô Thị Kiều H phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự,

1. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 81/2017/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2017, của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về nghĩa vụ thanh toán nợ vay:

- Ngày 11 tháng 01 năm 2018, bà Tô Thị Kiều H phải thanh toán cho ông Nguyễn Lương N số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Ngày 11 tháng 01 năm 2018, bà Tô Thị Kiều H phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn M số tiền 75.000.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 11 tháng 01 năm 2018, bà Tô Thị Kiều H phải thanh toán cho ông Huỳnh Văn S và bà Trương Thị H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bên có quyền có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nói trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Lương N tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 đồng (Hai triệu, năm trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.816.650 đồng theo biên lai số 004788 ngày 20 tháng 10 năm 2016 và biên lai số 0005904 ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân

sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông Nguyễn Lương N được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 316.650 đồng (Ba trăm mười sáu ngàn, sáu trăm năm mươi đồng).

- Ông Nguyễn Văn M tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng (Ba triệu, bảy trăm năm mươi ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.250.000 đồng theo biên lai số 004481 ngày 12 tháng 11 năm 2015 và biên lai số 0005908 ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông Nguyễn Văn M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

- Ông Huỳnh Văn S và bà Trương Thị H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.700.000 đồng theo biên lai số 004804 ngày 23 tháng 10 năm 2015 và biên lai số 0005900 ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; ông Huỳnh Văn S và bà Trương Thị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 700.000 đồng (Bảy trăm ngàn đồng).

Về chi phí thẩm định giá: Ông Nguyễn Lương N tự nguyện chịu số tiền 2.000.000 đồng; ông Nguyễn Văn M tự nguyện chịu số tiền 2.910.000 đồng; ông Huỳnh Văn S, bà Trương Thị H tự nguyện chịu số tiền 4.000.000 đồng. Ông Nhân, ông Mẫn, ông Siêng và bà Hay đã nộp tạm ứng và đã chi thanh toán xong cho Công ty cổ phần thẩm định giá Việt Tín, theo Hóa đơn giá trị gia tăng số: 0000591 ngày 08 tháng 4 năm 2016.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Tô Thị Kiều H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 009774 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; bà Hoa đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Hà Nam